

Số: 42 /2022/QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 2433/TTr-BQLKKTNS&KCN ngày 30/7/2022; Công văn số 2754/BQLKKTNS&KCN-TNMT ngày 29/8/2022 Ban quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các KCN về việc giải trình và hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong KKT Nghi Sơn và các KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành “Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong KKT Nghi Sơn và các KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có Khu kinh tế, Khu công nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài nguyên & Môi trường (đề b/cáo);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- T. trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, CNTT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt là Ban Quản lý) với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu công nghiệp (KKT, KCN) trên địa bàn tỉnh”

2. Quy chế này áp dụng đối với: Ban Quản lý; các sở, ban, ngành cấp tỉnh gồm: Công an tỉnh, các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Khoa học và công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) nơi có KKT, KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp bảo vệ môi trường dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nêu tại Điều 1 do pháp luật quy định.

2. Đảm bảo hoạt động hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ phối hợp; sự thống nhất về trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp bảo vệ môi trường; phát huy tính chủ động, tích cực của từng cơ quan đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện công tác theo thẩm quyền.

Điều 3. Nội dung phối hợp

Nội dung phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường trong KKT, KCN giữa Ban Quản lý và các cơ quan chuyên môn bao gồm:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư hạ tầng KCN, các Doanh nghiệp trong KKT, KCN trong việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường.

2. Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền đối với các dự án trong KKT, KCN;

3. Kiểm tra, thanh tra, giám sát định kỳ, hoặc đột xuất việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các Doanh nghiệp trong KKT, KCN; xử lý vi phạm về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong KKT, KCN.

4. Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi KKT, KCN.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về lĩnh vực môi trường giữa các Doanh nghiệp hoạt động trong KKT, KCN hoặc với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KKT, KCN theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường. Trường hợp có ý kiến khác nhau về giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại KKT, KCN phải báo cáo lãnh đạo cùng cấp của ngành mình xem xét, giải quyết. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan thụ lý có trách nhiệm tổng hợp đề xuất hướng giải quyết báo cáo UBND tỉnh.

6. Chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường, công khai, trao đổi thông tin về bảo vệ môi trường tại KKT, KCN.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Phương thức phối hợp.

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

1. Phát hành văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến. Các cơ quan được tham vấn ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản theo thời hạn đề nghị của cơ quan chủ trì về các nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình; quá thời hạn trên mà không trả lời, được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về nội dung được tham vấn ý kiến.

2. Tổ chức họp, lập biên bản làm việc làm cơ sở để xác định trách nhiệm các bên phải tiến hành theo thẩm quyền. Trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp và trình UBND tỉnh quyết định.

3. Đề nghị cơ quan phối hợp cử cán bộ có thẩm quyền, công chức có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp để giúp cơ quan chủ trì giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo đúng nguyên tắc phối hợp và chịu trách nhiệm về các nội dung tham gia phối hợp.

4. Đề nghị UBND tỉnh thành lập đoàn khảo sát, thanh tra, kiểm tra liên ngành theo quy định của pháp luật.

5. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm tổng hợp đầy đủ ý kiến của các đơn vị tham gia (bằng văn bản hoặc ý kiến tham gia trực tiếp) đối với các nội dung phối hợp; báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện theo yêu cầu (nếu

có); thực hiện xử phạt hành chính về lĩnh vực môi trường hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm (nếu có).

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Trách nhiệm của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa.

1. Ban Quản lý chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường; cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi Giấy phép môi trường của các dự án đầu tư vào KKT, KCN theo ủy quyền;

b) Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các Doanh nghiệp trong KKT, KCN trình cấp có thẩm phê duyệt và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo nguyên tắc không chồng chéo; không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu tại Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; hoặc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nội dung quản lý và bảo vệ môi trường KKT khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được ủy quyền.

đ) Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của KKT, KCN theo quy định của pháp luật.

e) Lập kế hoạch sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường định kỳ hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại KKT, KCN.

f) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho Chủ đầu tư hạ tầng KCN, các Doanh nghiệp trong KKT, KCN.

g) Tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường KKT, KCN .

h) Chủ động phối hợp với Doanh nghiệp, Chủ đầu tư hạ tầng xử lý sơ bộ sự cố môi trường phát sinh trong KKT, KCN; tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà Ban Quản lý sẽ nhắc nhở hoặc chuyển cho các đơn vị có chức năng xử lý; đồng thời phối hợp với các đơn vị tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này; Chủ đầu tư hạ tầng KCN, các Doanh nghiệp trong KKT, KCN để huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để ứng phó kịp thời về sự cố môi trường. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, Ban

Quản lý phải báo cáo kịp thời cho UBND tỉnh, các cơ quan chức năng để được hỗ trợ.

i) Đôn đốc các doanh nghiệp trong KKT, KCN nộp báo cáo công tác BVMT hằng năm đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ thủ tục, hồ sơ về môi trường trước và trong khi đi vào vận hành chính thức theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

k) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác quản lý bảo vệ môi trường của các Chủ đầu tư hạ tầng KCN, các Doanh nghiệp trong KKT, KCN.

l) Tổ chức niêm phong nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị của cá nhân, tổ chức đó vào ngày bắt đầu áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm nằm trong khu vực của Ban Quản lý đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của UBND tỉnh và của UBND cấp huyện.

m) Tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động, cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc di dời dự án, cơ sở đến vị trí phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm nằm trong khu vực của Ban Quản lý;

2. Ban Quản lý phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp về môi trường giữa các Doanh nghiệp trong KKT, KCN với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KKT, KCN hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KKT, KCN với các Doanh nghiệp trong KKT, KCN.

b) Thẩm định hồ sơ cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi Giấy phép môi trường các dự án đầu tư trong KKT, KCN thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

c) Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các công tác bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp trong KKT, KCN.

d) Cung cấp thông tin của các Doanh nghiệp trong KKT, KCN theo đề nghị của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

e) Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 của Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về môi trường trong KKT, KCN như sau:

a) Thẩm định các chỉ tiêu về môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án trong KKT, KCN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

b) Tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại Công văn số 4443/UBND-NN ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đối với các dự án tại KKT, KCN;

c) Thẩm định bản kê khai, thông báo và tổ chức thu trực tiếp phí bảo vệ môi trường đối với các Doanh nghiệp trong KKT, KCN theo quy định; thông báo Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản trong KKT, KCN;

d) Cấp giấy phép nhận chìm chất nạo vét trên biển;

đ) Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các Doanh nghiệp trong KKT, KCN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo nguyên tắc không chồng chéo; không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu tại Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; hoặc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về môi trường giữa các Doanh nghiệp ngoài phạm vi ngoài KKT, KCN với các tổ chức, cá nhân trong KKT, KCN theo thẩm quyền;

g) Tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác minh thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm trong KKT, KCN; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; chủ trì xây dựng năng lực và huy động lực lượng khắc phục ô nhiễm môi trường do các sự cố gây ra theo sự phân công của UBND tỉnh;

i) Thông tin kết quả xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường và xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường sau kiểm tra, thanh tra đối với các Chủ đầu tư hạ tầng KCN, các Doanh nghiệp trong KKT, KCN đến Ban Quản lý, UBND cấp huyện có KKT, KCN và Công an tỉnh để theo dõi, quản lý;

k) Thực hiện các nội dung quản lý bảo vệ môi trường KKT, KCN khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc ủy quyền.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 và khoản 2 Điều 9, khoản 1 và khoản 2, điều 10, khoản 1 Điều 11.

Điều 7. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Công an tỉnh tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý và bảo vệ môi trường KKT, KCN theo quy định của Pháp lệnh Cảnh sát Môi trường số 10/2014/UBTVQH13 ngày 23/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các quy định hiện hành khác. Chủ trì điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các Doanh nghiệp trong KKT, KCN theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo lực lượng chức năng tổ chức các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về môi trường của các Chủ đầu tư hạ tầng KCN; các Doanh nghiệp theo quy định pháp luật trong KKT, KCN.

- Thông tin kết quả xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đến Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện, thị xã, thành phố nơi có KKT, KCN để theo dõi và quản lý.

2. Công an tỉnh phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan, UBND cấp huyện nơi có KKT, KCN thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của Chủ đầu tư hạ tầng KCN, các Doanh nghiệp trong KKT, KCN.

b) Giải quyết các tranh chấp về môi trường giữa các Doanh nghiệp trong và ngoài KKT, KCN hoặc với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài phạm vi KKT, KCN. Tiếp nhận hồ sơ do Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện nơi có KKT, KCN chuyển đến để thực hiện việc điều tra, xử lý vi phạm theo quy định.

c) Huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại các KKT, KCN.

d) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thuộc lĩnh vực phù hợp với thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương.

1. Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp, an toàn vệ sinh, môi trường công nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm từ khâu sản xuất đến khi đưa vào lưu thông thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương về công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp chế biến khác; hướng dẫn thực hiện quy trình sản xuất sạch hơn trong phạm vi KKT, KCN.

2. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc lĩnh vực đối với các dự án tại KKT, KCN theo quy định tại Công văn số 4443/UBND-NN ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có KKT, KCN thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, quy định kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, chế biến khoáng sản, hóa chất và các dự án khác thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có KKT, KCN thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10, khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.

Điều 9: Trách nhiệm của các Sở: Văn hóa thể thao và du lịch, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ.

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan của tỉnh kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật theo lĩnh vực mình quản lý theo quy định của pháp luật trong phạm vi KKT, KCN; tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc lĩnh vực đối với các dự án tại KKT, KCN theo quy định tại Công văn số 4443/UBND-NN ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có KKT, KCN thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành cấp tỉnh kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường giữa các tổ chức, cá nhân bên ngoài KKT, KCN với các Chủ đầu tư hạ tầng KCN và Doanh nghiệp thứ cấp trong KKT, KCN theo thẩm quyền; thông tin kết quả xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường và xử lý vi phạm sau kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các Doanh nghiệp trong KKT, KCN đến Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh để theo dõi, quản lý; chuyển đơn thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực môi trường không thuộc thẩm quyền cho cơ quan có thẩm quyền xử lý; kịp thời chuyển tin báo tội phạm môi trường cho Công an tỉnh xử lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thẩm định cấp Giấy phép môi trường; cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi Giấy phép môi trường các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh dịch vụ trong KCN, KKT theo thẩm quyền, kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường do mình cấp;

3. Phối hợp với Ban trong việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ công tác bảo vệ môi trường tại các Doanh nghiệp trong KKT, KCN trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tránh chồng chéo, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu tại Chỉ thị 10/CT-UBND

ngày 22/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; hoặc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với các dự án tại KKT, KCN theo quy định tại Công văn số 4443/UBND-NN ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Quy chế này.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị và địa phương, theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tốt các nội dung của quy chế này.

2. Giao Ban Quản lý là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.